

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TIỂU HỌC, THCS VÀ THPT NGÔ THỜI NHIỆM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

- Tên trường: Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Ngô Thời Nhiệm

- Tên bằng tiếng nước ngoài (nếu có): không

- Cổng thông tin điện tử (website): <https://www.ngothoinhiem.edu.vn/>

2. Địa chỉ hoạt động

STT	Tên cơ sở/ điểm trường	Địa chỉ hoạt động	Điện thoại	Địa chỉ thư điện tử
1	Trụ sở chính	Số 65, đường Hồ Bá Phấn, phường Phước Long A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	(028) 37310522	truong@ngothoinhiem.edu.vn
2	Cơ sở 4	Số 73/8, đường Võ Văn Kiệt, phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh	(028) 36360025	truong@ngothoinhiem.edu.vn

3. Loại hình

- Loại hình cơ sở giáo dục: Trường ngoài công lập

- Cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu: Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu:

4.1. Sứ mệnh

Đào tạo những thế hệ học sinh ưu tú có đầy đủ năng lực – phẩm chất để thích ứng với kỷ nguyên số và thành công trong cuộc sống hiện đại:

- Kiên trì mục tiêu giáo dục toàn diện. Giáo dục toàn diện về “Đức - Trí - Thể - Mỹ” và kỹ năng mềm để học sinh thích ứng với cuộc sống hiện đại, với cuộc cách mạng công nghệ 4.0 .

- Mỗi học sinh trường Ngô Thời Nhiệm khi ra trường đều đạt được những phẩm chất, những năng lực cốt lõi để trở thành những con người thành công trong cuộc sống.

- Xây dựng môi trường thân thiện- trường học hạnh phúc; với phương châm dạy thật – học thật để có chất lượng thật; Hướng đến nền giáo dục năng động, linh hoạt, đạt hiệu quả cao. Từ năm 2023 – 2024 nhà trường đã triển khai xây dựng trường học hạnh phúc nhằm góp phần nâng cao chỉ số hạnh phúc của học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên và phụ huynh (HS, CB, GV, NV, PH); Thông qua đó, cải thiện kết quả học tập của học sinh, nâng cao chất lượng dạy học và giáo dục của cơ sở giáo dục; Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; học sinh, và cán bộ, giáo viên, nhân viên (CB, GV, NV) được yêu thương, tôn trọng, an toàn, chia sẻ và thấu hiểu; ngăn ngừa, đấu tranh với các hành vi thiếu chuẩn mực về đạo đức, lối sống trong đội ngũ CB, GV, NV và HS hoặc các hành vi làm tổn thương đến danh dự, nhân phẩm, uy tín, thân thể CB, GV, NV, HS.

4.2. Tầm nhìn

- Phát triển một học hiệu Ngô Thời Nhiệm có đẳng cấp uy tín – chất lượng thuộc top đầu trong hệ thống trường ngoài công lập của cả nước và hội nhập quốc tế sâu rộng:

- Đã thực hiện được mục tiêu đến năm 2025 trường Ngô Thời Nhiệm đứng vững top đầu của hệ thống trường ngoài công lập của Tp.HCM, Bình Dương nói riêng và của cả nước nói chung. Học hiệu của trường có đẳng cấp về kiến thức văn hóa và các kỹ năng mềm thích ứng với hội nhập quốc tế và đi đầu trong tiến trình đổi mới.

- Đang hướng tới mục tiêu đến năm 2030 trường Ngô Thời Nhiệm là đơn vị giáo dục có điều kiện cơ sở vật chất hiện đại, có chất lượng giáo dục cao, có mức độ hội nhập quốc tế sâu rộng, có vị trí trong địa bàn trọng điểm kinh tế vùng Đông Nam bộ; phát triển thêm điểm trường tại vùng cửa ngõ phía Tây của TP.HCM sẽ thu hút học sinh đến từ các tỉnh miền Tây Nam Bộ.

4.3. Giá trị cốt lõi

<i>CÁN BỘ - GIÁO VIÊN –NHÂN VIÊN</i>	<i>HỌC SINH</i>
<i>Đổi mới - sáng tạo</i>	<i>Năng động – tích cực</i>
<i>Nhân ái – bao dung</i>	<i>Trung thực - tự tin</i>
<i>Kỷ cương – trách nhiệm</i>	<i>Hòa nhập – vươn lên</i>

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Trường TH, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm được thành lập từ năm 1997. Tiền thân là Trường tiểu học dân lập Ngô Thời Nhiệm tại “Quyết định số 04/GD-ĐT/TC-QĐ ngày 26/04/1997” và Trường Trung học cơ sở dân lập Ngô Thời Nhiệm được thành lập theo “Quyết định số 13/GD-ĐT/TC-QĐ ngày 08/05/1997” tại số 05 Ngô Thời Nhiệm, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Năm 2008, Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Ngô Thời Nhiệm (Trường TH, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm) được thành lập theo Quyết định số 2424/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố, trên cơ sở sáp nhập từ trường Tiểu học Dân lập Ngô Thời Nhiệm và trường Trung học phổ thông tư thục Ngô Thời Nhiệm

Tháng 10 năm 2011, Hội đồng quản trị nhà trường thực hiện liên kết với Tổng công ty Becamex Bình Dương tiếp tục mở rộng phát triển và xây thêm 01 ngôi trường tại Thành phố mới tỉnh Bình Dương, hoạt động giảng dạy từ năm học 2012-2013. Ngoài ra, hệ thống trường còn có 02 trường mầm non (tại Bình Dương và Quận 9 (nay là Thành phố Thủ Đức).

Từ tháng 6 năm 2019, Hội đồng quản trị nhà trường tiếp tục đầu tư xây dựng thêm 01 cơ sở trên khu đất có diện tích 15.232,4m² được nhà nước giao đất sử dụng cho mục đích giáo dục tại khu dân cư Hoàng Nam, đại lộ Võ Văn Kiệt, phường An Lạc, quận Bình Tân theo hướng hiện đại để đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông 2018 và hội nhập quốc tế với kinh phí đầu tư: 560 tỷ đồng (trong đó 300 tỷ chuyển nhượng đất, xây dựng 220 tỷ, trang thiết bị, đồ dùng dạy học 40 tỷ). Tháng 4/2022 nhà trường đã tổ chức lễ khánh thành cơ sở 4 có 72 lớp học, 40 phòng nội trú, Hồ bơi, sân bóng đá, bóng rổ ... và đầy đủ các phòng chức năng theo quy định nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Đến thời điểm hiện nay, trường TH, THCS và Ngô Thời Nhiệm tại Tp.HCM có 02 cơ sở tại các địa điểm sau:

Cơ sở 1: Tại số 65D, đường Hồ Bá Phấn, phường Phước Long A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, có diện tích đất là 8.588m² được nhà nước giao đất lâu dài để tổ chức hoạt động giáo dục phổ thông đã được đầu tư xây dựng đưa vào sử dụng 28 năm.

Cơ sở 4: Tại số 73/8, đường Võ Văn Kiệt, phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, có diện tích đất là 15.232,4m² được nhà nước giao đất lâu dài để tổ chức hoạt động giáo dục phổ thông, đưa vào sử dụng từ tháng 4 năm 2002.

Cơ sở trường phổ thông Bình Dương có địa chỉ tại lô M2, đường Lý Thái Tổ, phường Hoà Phú, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, với diện tích 27.600m².

Trường mầm non tại Tp. Thủ Đức với diện tích 3.000m², mầm non và trường tiểu học tại Tp Mới Bình Dương với diện tích 23.500m². Tất cả các cơ sở của trường đều được xây dựng khang trang, hiện đại, có hồ bơi, sân bóng, các phòng chức năng đáp ứng yêu cầu dạy và học theo tiêu chuẩn quốc tế.

Với gần 29 năm hình thành và phát triển, hiện nay toàn hệ thống trường hiện nay có 10.000 học sinh phổ thông, 1.000 học sinh mầm non, 2.500 học sinh nội trú. Riêng trường tại Tp. Hồ Chí Minh là 4.683 học sinh phổ thông.

Trường Ngô Thời Nhiệm có hệ thống chính trị hoàn chỉnh ngay từ khi thành lập trường gồm: Chi Bộ, Công Đoàn, Đoàn Thanh Niên. Chi bộ liên tục đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh. Công đoàn liên tục vững. Nhà trường có bí thư Đảng bộ chuyên trách và trợ lý thanh niên chuyên trách. Do trường có số lượng đảng viên đông, nên từ năm 2019 trường đã thành lập Đảng bộ cơ sở, có 04 chi bộ trực thuộc với 107 Đảng viên tham gia sinh hoạt.

Nhà trường xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động chặt chẽ và đã được Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt, làm cơ sở để điều hành các hoạt động trong nhà trường; ban

hành quy chế phối hợp giữa hội đồng quản trị và lãnh đạo nhà trường rõ ràng để thực hiện nhiệm vụ cụ thể trong bộ máy tổ chức của nhà trường.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường Tiểu học, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm hiện nay 345 người, trong đó 98% là giáo viên cơ hữu, nhiều kinh nghiệm, nhiệt tình và tâm huyết, làm việc cả ngày tại trường cũng là một thế mạnh của trường. Thầy cô không ngừng đổi mới phương pháp giảng dạy, vận dụng hiệu quả công nghệ thông tin vào quá trình truyền thụ kiến thức nên học sinh dễ dàng tiếp thu bài học, có thể thuộc bài ngay trên lớp. Với quan điểm: “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương sáng cho học sinh noi theo”, nhà trường luôn hướng tới việc bồi dưỡng đội ngũ giáo viên. Nhiều giáo viên của Trường được công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, chiến sĩ thi đua cấp thành phố.

Học sinh của trường đến từ nhiều tỉnh thành trong cả nước nên mặt bằng trình độ kiến thức không đồng đều, đa số không đủ điểm vào trường công lập, có hạnh kiểm chưa tốt. Nhưng sau một thời gian học tập tại trường các em đều được nâng lên về kiến thức và nhân cách. Kết quả học tập học sinh luôn cao, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp phổ thông từ năm 2005 đến nay luôn cao hơn tỉ lệ bình quân của thành phố, luôn đạt 100%. Số học sinh khá giỏi đầu vào rất hiếm nhưng trường vẫn có nhiều học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp thành phố và đạt nhiều giải thưởng về hoạt động đoàn thể, hoạt động phong trào Văn – Thể – Mỹ, hoạt động xã hội...

Thành tích nổi bật những năm gần đây:

- Liên tục nhiều năm được công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”;
- 06 lần được khen tặng “Cờ thi đua của UBND thành phố” các năm học 2011 - 2012, 2016 - 2017, 2018 – 2019, 2019 – 2020; 2020 - 2021; 2022-2023.
- Năm 2014 được Bộ GD&ĐT trao tặng bằng khen;
- Công đoàn ngành giáo dục Việt Nam trao tặng cờ thi đua xuất sắc về hoạt động công đoàn; Đoàn trường là đơn vị 09 năm liền lá cờ đầu của Quận đoàn 9 (nay là thành phố Thủ Đức) và được Trung ương Đoàn trao tặng bằng khen.
- Chi bộ, Đảng bộ liên tục đạt danh hiệu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Nhà trường còn nhận được rất nhiều giấy khen, bằng khen về hoạt động phong trào và hoạt động chuyên môn.
- Năm 2018, 2020 và 2021 được Bộ GD&ĐT tặng bằng khen vì có thành tích đồng hành cùng quỹ học bổng Vừ A Dính
- Năm 2019 nhà trường được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen vì có thành tích xuất sắc trong phối hợp, đồng hành cùng quỹ học bổng Vừ A Dính.

Ngoài ra CB, GV, NV của trường còn được tặng thưởng nhiều danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp thành phố, chiến sĩ thi đua thành phố, giấy khen và bằng khen từ các hoạt động chuyên môn, hoạt động phong trào, văn thể, công tác xã hội.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ

Họ tên	Chức vụ	Điện thoại	Địa chỉ thư điện tử	Địa chỉ nơi làm việc
Tướng Nguyễn	Hiệu	(028)	su@ngothoinhiem.edu.vn	Số 65, đường

Sự	trường	37310522		Hồ Bá Phán, phường Phước Long A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
----	--------	----------	--	---

7. Tổ chức bộ máy

7.1. Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc điểm trường của cơ sở giáo dục (nếu có)

STT	Tên cơ sở/điểm trường	Quyết định			
		Số	Ngày	Cơ quan ban hành	Nội dung
1	Cơ sở chính	2424/QĐ-UBND	07/6/2008	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	về cho phép sáp nhập trường Tiểu học dân lập Ngô Thời Nhiệm và Trường Trung học Phổ thông Tư thực Ngô Thời Nhiệm thành trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Ngô Thời Nhiệm
2	Cơ sở chính	287-8/QĐ-GDĐT-TC	10/3/2014	Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh	Về cho phép hoạt động giáo dục Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Ngô Thời Nhiệm
3	Cơ sở 3	2775/GDĐT-TC	06/9/2016	Sở Giáo dục và Đào	Về cho phép mở cơ sở 3 Trường

STT	Tên cơ sở/điểm trường	Quyết định			
		Số	Ngày	Cơ quan ban hành	Nội dung
				tạo Thành phố Hồ Chí Minh	Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Ngô Thời Nhiệm.
4	Cơ sở 4	809/QĐ-UBND	23/3/2022	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	Về cho phép thành lập Cơ sở 4 Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Ngô Thời Nhiệm
5	Cơ sở 4	1151/QĐ-GDĐT-TC	16/5/2022	Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh	Về cho phép hoạt động giáo dục Cơ sở 4 Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Ngô Thời Nhiệm

7.2. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

STT	Họ tên	Chức danh	Nhiệm kì	Quyết định
1	(Bà) Nguyễn Thị Tố Uyên	Chủ tịch Hội đồng trường	2022-2027	- Quyết định số 1740/QĐ-SGDĐT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về công nhận Hội đồng trường.
2	Bà Phạm Thị Thúy Vĩnh	Ủy viên	2022-2027	
3	Ông Nguyễn Tất Thắng	Ủy viên	2022-2027	

4	Ông Giang Quốc Dũng	Ủy viên	2022-2027	- Quyết định số 375/QĐ-SGDĐT ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về công nhận bổ sung, kiện toàn Hội đồng trường - Quyết định số 1741/QĐ-SGDĐT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về công nhận Chủ tịch Hội đồng trường
5	Bà Lê Thị Kim Xuyên	Ủy viên	2022-2027	
6	Ông Bùi Anh Tuấn	Ủy viên	2022-2027	
7	Ông Tường Nguyên Sự	Ủy viên	2022-2027	
8	(Bà) Vũ Thị Nguyệt	Ủy viên	2022-2027	
9	(Bà) Lê Thị Dung	Ủy viên	2022-2027	

7.3. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục

STT	Họ tên	Chức danh	Nhiệm kì	Quyết định công nhận
1	Ông Tường Nguyên Sự	Hiệu trưởng	2023 – 2028	Quyết định số 3140/QĐ-SGDĐT ngày 27 tháng 9 năm 2023 về việc công nhận Hiệu trưởng
2	Ông Huỳnh Linh Sơn	Phó Hiệu trưởng	2022 – 2027	- Quyết định số 729/QĐ-SGDĐT ngày 31 tháng 9 năm 2023 v/v công nhận Phó Hiệu trưởng ...
3	Ông Trần Nguyễn Quốc Văn	Phó Hiệu trưởng	2023 – 2028	Quyết định số 2400/QĐ-SGDĐT ngày 09 tháng 8 năm 2023 v/v công nhận Phó Hiệu trưởng
4	Ông Nguyễn Hữu Tài	Phó Hiệu trưởng	2023 – 2028	Quyết định số 2407/QĐ-SGDĐT ngày 09 tháng 8 năm 2023 v/v công nhận Phó Hiệu trưởng
5	Ông Lê Văn Công	Phó Hiệu trưởng	2024 – 2029	Quyết định số 1534/QĐ-SGDĐT ngày 29 tháng 5

		trưởng		năm 2024 v/v công nhận Phó Hiệu trưởng
--	--	--------	--	--

7.4. Tổ chức và hoạt động

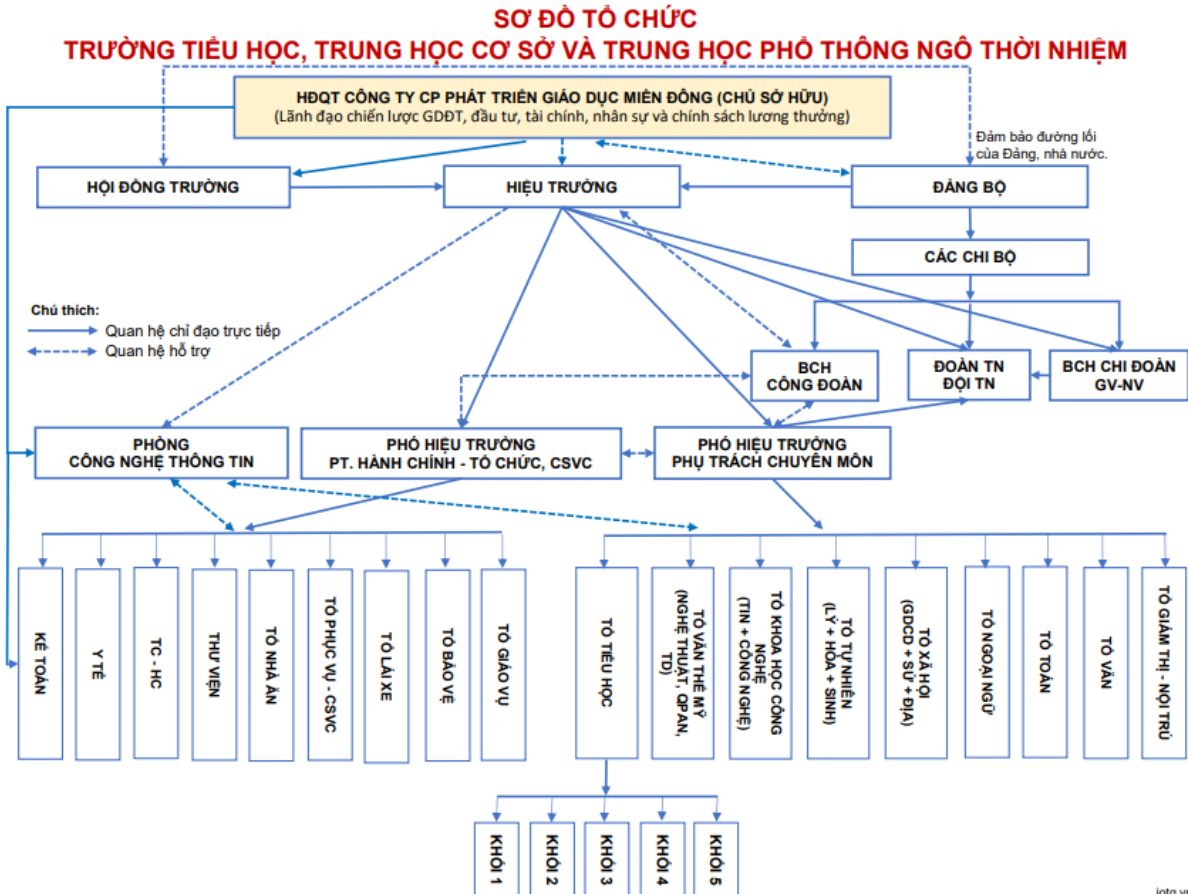
a) Quy chế tổ chức và hoạt động

Nhà trường ban hành Quyết định 225/QĐ- NTN ngày 06/9/2022 về ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường, đính kèm theo link <https://ngothonhiem.edu.vn/quyet-dinh-so-225qd-ntn-ve-viec-ban-hanh-quy-che-to-chuc-va-hoat-dong-cua-nha-truong-20220906-457494/>

b) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

- Nhà trường có cơ cấu tổ chức đầy đủ gồm:
- + Đảng bộ
- + Hội đồng trường
- + Hiệu trưởng
- + Phó hiệu trưởng
- + Công đoàn cơ sở
- + Đoàn thanh niên và Đội thiếu niên tiền phong
- + Các Tổ bộ môn, bộ phận

c) Sơ đồ tổ chức bộ máy



7.5. Thông tin của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các cơ sở/điểm trường (nếu có)

STT	Họ tên	Chức vụ	Điện thoại	Địa chỉ thư điện tử	Địa chỉ nơi làm việc	Nhiệm vụ, trách nhiệm
1	Ông Tường Nguyễn Sự	Hiệu trưởng	0938354055	su@ngothoinhiem.edu.vn	Số 65, đường Hồ Bá Phấn, phường Phước Long Thành phố Hồ Chí Minh	Phụ trách chung
2	Ông Nguyễn Hữu Tài	Phó Hiệu trưởng	0918171969	tainh@ngothoinhiem.edu.vn	Số 65, đường Hồ Bá Phấn, phường Phước Long Thành phố Hồ Chí Minh	Phụ trách chung chuyên môn, trực tiếp phụ trách chuyên môn tại cơ sở chính
3	Ông Lê Văn Công	Phó Hiệu trưởng	0987312235	conglv@ngothoinhiem.edu.vn	Số 65, đường Hồ Bá Phấn, phường phước long Thành phố Hồ Chí Minh	Phụ trách cơ sở vật chất, phong trào, nề nếp tại cơ sở chính
4	Ông	Phó	0989611802	sonhl@ngothoinhiem.edu.vn	73/8,	phụ trách

		cáo		năm trước	cáo		năm trước		năm trước		năm trước		năm trước
1	Cán bộ quản lý	5	100%	00	5	100%	00	0	0	3	0	2	0
2	Giáo viên	206	100%	00	206	100%	00	0	0	158	3	48	0
-	TH	48	100%	00	48	100%	00	0	0	43	1	5	0
-	THCS, THPT	158	100%	00	158	100%	00	0	0	115	2	43	0
3	Nhân viên	132	100%	00	132	100%	00	81	2	48	0	3	0

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

2. Đối với giáo dục phổ thông

2.1. Diện tích

	Diện tích khu đất xây dựng (m ²)	Diện tích bình quân/học sinh (m ²)		Đối chiếu với năm trước (<i>thay đổi gì hay không</i>)
		Thực tế	Theo quy định	
Trụ sở chính	10000 m ²	4,5 m ²	6 m ²	Không thay đổi
Cơ sở 4	15.232,4m ²	8 m ²	6 m ²	Không thay đổi

2.2. Các hạng mục

- Trụ sở chính

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích bình quân thực tế (m ²)	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định	Đối chiếu với năm trước (<i>thay đổi gì hay không</i>)
1	Khối phòng hành chính quản trị	10			Không thay đổi
	- Phòng hiệu trưởng:	01	24	Đảm bảo quy định	Không thay đổi

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích bình quân thực tế (m ²)	Đôi sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định	Đôi chiếu với năm trước (thay đổi gì hay không)
	- Phòng Phó hiệu trưởng	02	24	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Văn phòng:	02	60	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Phòng giáo viên:	02	60	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Phòng y tế học đường:	01	24	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Kho	01	100	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Phòng thường trực, bảo vệ:	01	36	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
2	Khối phòng học tập	89		Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	-Phòng học	76	1,50m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Phòng thí nghiệm Hóa - Sinh	01	2m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Phòng thí nghiệm Vật lý:	01	2m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Phòng Công nghệ:	01	2m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Phòng học STEM	01	2m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Phòng đa chức năng	01	1,50m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Phòng Âm nhạc:	02	1,50m ² /học sinh	Chưa đạt	Không thay

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích bình quân thực tế (m ²)	Đôi sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định	Đôi chiếu với năm trước (thay đổi gì hay không)
					đổi
	- Phòng Mỹ thuật:	01	1,50m ² /học sinh	Chưa đạt	Không thay đổi
	Phòng tin học	05	2m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
3	Khối phòng hỗ trợ học tập	13			Không thay đổi
	Thư viện	01	0,45m ² /học sinh	Chưa đạt	Không thay đổi
	Phòng thiết bị giáo dục	03	24m ² /phòng	Chưa đạt	Không thay đổi
	Phòng tư vấn học đường	01	24m ² /phòng	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	Phòng Đoàn Thanh niên	01	0,03m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	Phòng truyền thống	01	54m ² /phòng	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
4	Khối phụ trợ				Không thay đổi
	Phòng họp	02	1,20m ² /người	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	Phòng các tổ chuyên môn	03	30m ² /phòng	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	Phòng y tế trường học	01	24m ² /phòng	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	Nhà kho	05	48m ² /kho	Đảm bảo quy định	Không thay đổi

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích bình quân thực tế (m ²)	Đôi sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định	Đôi chiếu với năm trước (thay đổi gì hay không)
	Khu để xe học sinh		0,50m ² /xe đạp; 1,50m/xe máy	Chưa đạt	Không thay đổi
	Khu vệ sinh học sinh	16	0,06m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
5	Khu sân chơi, thể dục thể thao				Không thay đổi
	-Hồ bơi	01	315m ²	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Sân đa năng	02	500m ²	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	-Sân trường	01	1,2m ² /học sinh	Chưa đạt	Không thay đổi
	Sân thể dục thể thao	02	0,35m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
6	Khôi phục vụ sinh hoạt				Không thay đổi
	Nhà bếp	01	0,30m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	Kho bếp	04	16m ² /kho thực phẩm;16m ² /kho lương thực	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	Nhà ăn	03	0,75m ² /chỗ	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	Nhà ở nội trú	28	4m ² /chỗ	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
7	Hạ tầng kỹ thuật khác				Không thay đổi
	Hạ tầng CNTT, thoát			Đảm bảo quy	Không thay

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích bình quân thực tế (m ²)	Đổi sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định	Đổi chiếu với năm trước (thay đổi gì hay không)
	nước ...			định	đổi

- Cơ sở 4

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích bình quân thực tế (m ²)	Đổi sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định	Đổi chiếu với năm trước (thay đổi gì hay không)
1	Khối phòng hành chính quản trị	10			Không thay đổi
	- Phòng hiệu trưởng: 01 phòng, diện tích 24m ²	01	24	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Phòng Phó hiệu trưởng	02	24	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Văn phòng	01	240	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Phòng giáo viên:;	02	120	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Phòng y tế học đường:	01	56	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Kho	04	150	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Phòng thường trực, bảo vệ:	01	36	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
2	Khối phòng học tập	100		Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	-Phòng học	82	1,50m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi

	- Phòng thí nghiệm Hóa	01	2m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Phòng thí nghiệm Sinh	01	2m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Phòng thí nghiệm Vật lý:	01	2m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Phòng Công nghệ:	01	2m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Phòng học STEM	02	2m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Phòng đa chức năng	02	1,50m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Phòng Âm nhạc:	02	2 m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Phòng Mỹ thuật:	02	20m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	-Phòng tin học	05	2m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	-Phòng ngoại ngữ	01	2m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
3	Khối phòng hỗ trợ học tập	13			Không thay đổi
	Thư viện	01	0,6m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	Phòng thiết bị giáo dục	05	58m ² /phòng	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	Phòng tư vấn học đường	01	24m ² /phòng	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	Phòng Đoàn Thanh niên	01	0,03m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	Phòng truyền thống	01	60m ² /phòng	Đảm bảo quy định	Không thay đổi

				định	đổi
4	Khối phụ trợ				Không thay đổi
	Phòng họp	02	1,20m ² /người	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	Phòng các tổ chuyên môn	03	30m ² /phòng	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	Phòng y tế trường học	01	24m ² /phòng	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	Nhà kho	05	48m ² /kho	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	Khu để xe học sinh		0,60m ² /xe đạp; 20m/xe máy	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	Khu vệ sinh học sinh	16	0,06m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
5	Khu sân chơi, thể dục thể thao				Không thay đổi
	-Hồ bơi	01	315m ²	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Sân đa năng	02	500m ²	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	-Sân trường	01	1,8m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	Sân thể dục thể thao	02	0,35m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
6	Khối phục vụ sinh hoạt				Không thay đổi
	Nhà bếp	01	0,30m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	Kho bếp	04	24m ² /kho thực phẩm;24m ² /kho lương thực	Đảm bảo quy định	Không thay đổi

	Nhà ăn	02	1m ² /chỗ	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	Nhà ở nội trú	40	5m ² /chỗ	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
7	Hạ tầng kỹ thuật khác				Không thay đổi
	Hạ tầng CNTT, thoát nước ...			Đảm bảo quy định	Không thay đổi

2.3. Thiết bị dạy học

STT	Thiết bị dạy học hiện có	Số lượng	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định	Đối chiếu với năm trước (<i>thay đổi gì hay không</i>)
1	Khối lớp 1	6	Đảm bảo quy định	Tăng 2 bộ
2	Khối lớp 2	6	Đảm bảo quy định	Tăng 2 bộ
3	Khối lớp 3	6	Đảm bảo quy định	Tăng 2 bộ
4	Khối lớp 4	6	Đảm bảo quy định	Tăng 2 bộ
5	Khối lớp 5	6	Đảm bảo quy định	Tăng 2 bộ
6	Khối lớp 6	6	Đảm bảo quy định	Tăng 2 bộ
7	Khối lớp 7	6	Đảm bảo quy định	Tăng 2 bộ
8	Khối lớp 8	6	Đảm bảo quy định	Tăng 2 bộ
9	Khối lớp 9	6	Đảm bảo quy định	Tăng 2 bộ
10	Khối lớp 10	8	Đảm bảo quy định	Tăng 2 bộ
11	Khối lớp 11	8	Đảm bảo quy định	Tăng 2 bộ
12	Khối lớp 12	8	Đảm bảo quy định	Tăng 2 bộ

2.4. Tài liệu học tập sử dụng chung

Đính kèm danh mục SGK sử dụng trong nhà trường, đường link:
<https://ngoathoinhiem.edu.vn/thong-bao-so-90tb-ntn-ve-danh-muc-sgk-su-dung-trong-nam-hoc-2024-2025-20240717-212401/>

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

Trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông Ngô Thời Nhiệm tự đánh giá mức độ trường đáp ứng nội hàm của các chỉ báo, tiêu chí trong tiêu chuẩn đánh giá kiểm định chất lượng trong năm học 2024 – 2025 như sau:

- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 1:	28/28	Tỉ lệ: 100%
- Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 1:	00/28	Tỉ lệ: 00%
- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 2:	27/28	Tỉ lệ: 96,4%
- Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 2:	01/28	Tỉ lệ: 3,6%
- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 3:	18/20	Tỉ lệ: 90,0%
- Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 3:	02/20	Tỉ lệ: 10,0%
- Mức đánh giá của trường:	Mức 1	

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm

Nhà trường thực hiện đánh giá ngoài năm 2023 và đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1 năm 2023 theo Quyết định số 4131_44/QĐ- SGDDT ngày 19/12/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh

Từng năm học nhà trường thực hiện tự đánh giá và xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng phù hợp với điều kiện thực tế.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

2. Đối với hoạt động giáo dục phổ thông

2.1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục năm học 2024-2025

a) Kế hoạch tuyển sinh

+ Tuyển sinh: Lớp 1 đến lớp 12

+ Phạm vi tuyển sinh: Trong cả nước (không giới hạn nơi thường trú)

+ Hình thức tuyển sinh:

- Xét tuyển học bạ từ lớp 2 đến lớp 12.

- Lớp 1 đầu cấp kiểm tra sức khỏe, năng lực và tiếp nhận chính thức sau khi học thử 02 tuần (trong thời gian sinh hoạt hè).

+ Thời gian nhận hồ sơ: Từ 01/06/2024 đến 31/08/2024. Trường hợp học sinh lớp 1 đầu cấp, phụ huynh có thể đăng ký để xét tuyển từ 01/05/2024.

+ Địa điểm học:

- Cơ sở 1: 65D Hồ Bá Phấn, P. Phước Long A, TP.Thủ Đức, TP.HCM

- Cơ sở 4: 73/8 Võ Văn Kiệt, P. An Lạc, Q. Bình Tân, TP.HCM
- + Tổ chức sinh hoạt hè: dự kiến 02 tháng, từ 10/6/2024 đến 10/8/2024
- + Tựu trường năm học mới: Thực hiện theo chỉ đạo của ngành giáo dục (dự kiến 19/08/2024)

b) Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục

Nhà trường đã ban hành Kế hoạch giáo dục năm học 2024-2025 số 134/KH-NTN ngày 09/9/2024. <https://ngothoinhiem.edu.vn/ke-hoach-giao-duc-nha-truong-nam-hoc-2024-2025-20240909-848849/>

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh

Nhà trường đã ban hành các văn bản:

- Quyết định số 158/QĐ-NTN ngày 19/9/2024 về việc ban hành Quy chế tiếp phụ huynh học sinh tại trường Ngô Thời Nhiệm <https://ngothoinhiem.edu.vn/quyet-dinh-so-158qd-ntn-ve-viec-ban-hanh-quy-che-tiep-phu-huynh-20240919-719798/>
- Quyết định số 242/QĐ-NTN ngày 16/10/2024 về việc ban hành quy chế thực hiện dân chủ cơ sở tại Trường TH, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm <https://ngothoinhiem.edu.vn/quyet-dinh-so-242qd-ntn-ve-viec-ban-hanh-quy-che-thuc-hien-dan-chu-co-so-tai-truong-20241016-051840/>

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục

Kế hoạch số 159/KH-NTN ngày 19/9/2024 về triển khai chương trình nhà trường ngoài giờ chính khóa năm học 2024 – 2025 <https://ngothoinhiem.edu.vn/ke-hoach-so-159kh-ntn-ve-trien-khai-chuong-trinh-nha-truong-ngoai-gio-chinh-khoa-nam-hoc-2024-2025-20240919-719682/>

- Kế hoạch số 160/KH-NTN ngày 19/9/2024 về tổ chức dạy tăng cường Tiếng Anh (luyện kỹ năng Nghe-Nói), định hướng thi lấy chứng chỉ IELTS năm học 2024 – 2025. <https://ngothoinhiem.edu.vn/ke-hoach-so-160kh-ntn-ve-to-chuc-day-tang-cuong-tieng-anh-dinh-huong-thi-lay-chung-chi-ielts-nam-hoc-2024-2025-20240919-732135/>

- Kế hoạch số 178/KH-NTN ngày 19/9/2024 về bồi dưỡng học sinh giỏi năm học 2024– 2025 <https://ngothoinhiem.edu.vn/ke-hoach-so-178kh-ntn-ve-boi-duong-hoc-sinh-gioi-nam-hoc-2024-2025-20240919-719587/>

- Kế hoạch số 161/KH-NTN ngày 19/9/2024 về phụ đạo học sinh chưa đạt năm học 2024 – 2025. <https://ngothoinhiem.edu.vn/ke-hoach-so-161kh-ntn-ve-phu-dao-hoc-sinh-chua-dat-nam-hoc-2024-2025-20240919-719516/>

- Kế hoạch số 220/KH-NTN ngày 08/10/2024 về triển khai Công tác tư vấn trường học năm học 2024 – 2025 <https://ngothoinhiem.edu.vn/ke-hoach-so-220kh-ntn-ve-trien-khai-cong-tac-tu-van-truong-hoc-nam-hoc-2024-2025-20241008-361022/>

đ) Thực đơn hằng ngày của học sinh: <https://ngothoinhiem.edu.vn/thuc-don-hang-ngay-cua-hoc-sinh-20240902-272218/>

2.2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2023-2024

a) Tình hình học sinh

- Kết quả tuyển sinh:

Năm học	Lớp 1		Lớp 6		Lớp 10	
	Chỉ tiêu	Đã tuyển	Chỉ tiêu	Đã tuyển	Chỉ tiêu	Đã tuyển
2023-2024	300	295	300	287	1310	792
2022-2023	400	346	300	268	1208	827

- Thống kê học sinh:**+ Cấp Tiểu học:**

Năm học	Số học sinh			SL học 2 buổi /ngày	Dân tộc thiểu số	Khuyết tật	Lớp		Thay đổi	
	Tổng	Nam	Nữ				Số lớp	Bình quân /lớp	Chuyển đi	Chuyển đến (tiếp nhận)
2022-2023	1249	691	558	1249	38	0	44	28.4	107	116
Lớp 1	346	182	164	346	12	0	13	26.6	11	6
Lớp 2	233	142	91	233	8	0	8	29.1	26	22
Lớp 3	193	109	84	193	6	0	7	27.6	26	25
Lớp 4	230	131	99	230	4	0	8	28.8	28	39
Lớp 5	247	127	120	247	8	0	8	30.9	16	24
2023-2024	1112	602	510	1112	47	0	36	30.9	351	144
Lớp 1	295	143	152	295	13	0	9	32.8	5	2
Lớp 2	277	150	127	277	11	0	9	30.8	108	32
Lớp 3	181	102	79	181	8	0	6	30.2	96	42
Lớp 4	174	98	76	174	9	0	6	29.0	61	37
Lớp 5	185	109	76	185	6	0	6	30.9	81	31

+ Cấp Trung học sơ sở:

Năm học	Số học sinh			SL học 2 buổi /ngày	Dân tộc thiểu số	Khuyết tật	Lớp		Thay đổi	
	Tổng	Nam	Nữ				Số lớp	Bình quân /lớp	Chuyển đi	Chuyển đến (tiếp nhận)
2022-2023	1051	615	436	1051	24	0	32	32.8	84	177

Lớp 6	268	145	123	268	5	0	8	33.5	8	15
Lớp 7	183	115	68	183	9	0	6	30.5	24	45
Lớp 8	293	174	119	293	3	0	9	32.6	33	70
Lớp 9	307	181	126	307	7	0	9	34.1	19	47
2023-2024	1071	619	452	1071	32	0	34	31.5	198	195
Lớp 6	287	149	138	287	11	0	9	31.9	9	7
Lớp 7	254	141	113	254	6	0	8	31.8	80	40
Lớp 8	210	133	77	210	11	0	7	30	43	68
Lớp 9	320	196	124	320	4	0	10	32	66	80

+ Cấp Trung học phổ thông:

Năm học	Số học sinh			SL học 2 buổi /ngày	Dân tộc thiểu số	Khuyết tật	Lớp		Thay đổi	
	Tổng	Nam	Nữ				Số lớp	Bình quân /lớp	Chuyển đi	Chuyển đến (tiếp nhận)
2022-2023	2092	1232	860	2092	39	0	60	34.9	94	136
Lớp 10	827	482	345	827	11	0	24	34.5	23	24
Lớp 11	643	411	232	643	14	0	18	35.7	47	87
Lớp 12	622	339	283	622	14	0	18	34.6	24	25
2023-2024	2159	1282	877	2159	38	0	60	36.0	207	112
Lớp 10	792	461	331	792	14	0	22	36.0	28	17
Lớp 11	743	418	325	743	11	0	21	35.4	138	59
Lớp 12	624	403	221	624	13	0	17	36.7	41	36

b) Kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp

KHỐI THCS

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1071	287	254	210	320
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	95.52	97,21	97,64	93,81	93,44
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	4,48	2,79	2,36	6,19	6,56
3	Trung bình	0	0	0	0	0

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
	(tỷ lệ so với tổng số)					
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1071	287	254	210	320
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	32,87	39,72	33,07	24,76	31,88
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	43,98	48,43	42,91	44,29	40,63
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	22,04	11,15	23,23	27,14	27,50
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	1,12	0,70	0,79	3,81	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1071	287	254	210	320
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	98,87	99,30	99,21	96,19	100
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	32,86	39,72	33,07	24,76	31,87
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	43,97	48,43	42,91	44,28	40,62
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	1,12	0,69	0,78	3,80	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	18,1/19,5	2,4/3,8	15,7/31,8	31,9/23,3	25/21,2
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0,18	0	0	0,47	0,31
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	30	6	9	9	6
1	Cấp huyện	21	4	5	9	3
2	Cấp tỉnh/thành phố	9	2	4		3
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	320				320
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	320				320
1	Giỏi	31,87				31,87

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
	(tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	40,62				40,62
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	27,50				27,50
VII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	620/451	149/138	141/113	134/76	196/124
VIII	Số học sinh dân tộc thiểu số	34	13	8	10	3

KHỐI THPT

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm (số lượng)	2159	792	743	624
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	92,40	88,13	91,52	98,88
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	7,04	10,98	7,81	1,12
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0,56	0,88	0,67	0,00
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực (số lượng)	2159	792	743	624
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	22,60	14,52	15,75	41,03
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	51,51	45,08	53,30	57,53
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	24,55	38,26	29,34	1,44
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	1,34	2,15	1,62	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm (số lượng)	2159	792	743	624
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	98,65	97,85	98,38	100

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	22,60	14,52	15,74	41,02
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	51,50	45,07	53,29	57,53
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	1,34	2,14	1,61	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0,25	0,26	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	5,1/11,3	1,9/6,1	7,9/19,7	5,8/7,9
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0,83	1,13	0,67	0,64
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	35	8	15	12
1	Cấp huyện (số lượng)				
2	Cấp tỉnh/thành phố (số lượng)	35	8	15	12
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp (số lượng)	624			624
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	624			624
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	96,31			96,31

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ (số lượng)	1285/874	463/329	418/325	404/220
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số (số lượng)	25	15	2	8

c) Hoàn thành chương trình

Năm học	Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp		Số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (THCS và THPT)		Số lượng học sinh trúng tuyển đại học (THPT)	
	2022-2023	2023-2024	2022-2023	2023-2024	2022-2023	2023-2024
Lớp 5	247	185	00	00	-	-
Lớp 9	307	320	00	00	-	-
Lớp 12	623	624	00	00	518	561

2.3. Số lượng học sinh đang học (đối với cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp)

Năm báo cáo	Việt Nam		Nước ngoài		Tổng cộng (5)=(1)+(3)
	Số lượng (1)	Tỉ lệ (2)=(1)/(5)	Số lượng (3)	Tỉ lệ (4)=(3)/(5)	
00	00	00	00	00	00

Ghi chú: Số lượng học sinh đang học đến thời điểm 31/12 của năm báo cáo.

2.4. Chương trình giáo dục của cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp

S T T	Bậc học	Tên chương trình (Ghi kèm theo Quyết định phê duyệt chương trình liên kết	Quốc gia cung cấp chương trình	Thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp	Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục	Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục

		<i>của cơ quan có thẩm quyền)</i>				
1	Tiểu học	Không	Không	Không	Không	Không
2	Trung học cơ sở	Không	Không	Không	Không	Không
3	Trung học phổ thông	Không	Không	Không	Không	Không

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1, 3, 4 Điều 5 của Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

1. Tình hình tài chính năm 2024

Ghi chú: thực hiện theo Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị trong năm tài chính đã báo cáo cơ quan có thẩm quyền và quy định tại khoản 1 Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT.

Cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu

- Học phí: 151.817.678.169 đồng
- Tiền ăn: 46.632.714.108 đồng
- Nội trú: 18.081.333.000 đồng
- Các khoản khác : 15.406.006.467 đồng

b) Các khoản chi

- Lương, thưởng và các khoản trích theo lương: 88.325.272.677 đồng
- Khấu hao TSCĐ và phân bổ CCDC: 16.692.287.761 đồng
- Điện, nước, điện thoại và các dịch vụ: 27.540.344.109 đồng
- Chế biến suất ăn: 46.016.539.372 đồng
- Giảm học phí (đã trừ trong khoản thu học phí), trao học bổng (học sinh thuộc diện Quỹ học bổng Vừ A Dính): 26.531.287.100 đồng
- Khen thưởng:
- Chi phí khác : 40642.796.199 đồng

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học

2.1. Học phí

STT	Cấp học /bậc học	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học
1.	Khối 1	2.800.000	3.000.000	3.200.000
2.	Khối 2	2.800.000	3.000.000	3.200.000
3.	Khối 3	2.800.000	3.000.000	3.200.000
4.	Khối 4	2.800.000	3.000.000	3.200.000
5.	Khối 5	2.800.000	3.000.000	3.200.000
6.	Khối 6	3.300.000	3.500.000	3.700.000
7.	Khối 7	3.300.000	3.500.000	3.700.000
8.	Khối 8	3.300.000	3.500.000	3.700.000
9.	Khối 9	3.500.000	3.700.000	3.900.000
10.	Khối 10	3.500.000	3.700.000	3.900.000
11.	Khối 11	3.600.000	3.800.000	4.000.000
12.	Khối 12	3.800.000	4.000.000	4.200.000

2.2. Các khoản thu khác (Đơn vị : đồng/học sinh/năm học)

STT	Tên khoản thu	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học
1	Tiền ăn (bán trú)	- Tiểu học: 7.920.000 THCS và THPT: 6.336.000	- Tiểu học: 8.910.000 - THCS và THPT: 6.930.000	- Tiểu học: 8.910.000 THCS và THPT: 6.930.000
2	Tiền ăn (nội trú)	- Tiểu học: 17.028.000 THCS và THPT: 17.028.000	- Tiểu học: 19.404.000 - THCS và THPT: 18.810.000	- Tiểu học: 19.404.000 THCS và THPT: 18.810.000

3	Tiền quản lý nội trú	- Tiểu học 13.050.000 - THCS: 14.850.000 THPT: 15.750.000	- Tiểu học 14.400.000 - THCS: 16.200.000 - THPT: 17.100.000	- Tiểu học 15.300.000 - THCS: 17.100.000 THPT: 18.000.000
4	Tiếng Anh tăng cường	- K1, 2: 2.700.000 - K3, 4, 5: 4.050.000 K6 đến K11: 4.050.000	- K1, 2: 2.700.000 - K3, 4, 5: 4.050.000 - K6 đến K11: 3.150.000	- K1, 2: 2.700.000 - K3, 4, 5: 4.050.000 K6 đến K11: 3.150.000

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học

Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông (đơn vị chủ sở hữu hệ thống trường Ngô Thời Nhiệm) đã ban hành quy định số 86/QyĐ-CPPTGGD về chính sách giảm học phí cho học sinh năm học 2024-2025 <https://ngothoinhiem.edu.vn/thong-bao-so-86tb-ntn-vbg-ve-cac-chinh-sach-giam-hoc-phi-cho-hoc-sinh-nam-hoc-2024-2025-20240708-432747/>

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có)

Kết quả theo báo cáo tài chính <https://ngothoinhiem.edu.vn/so-lieu-cong-khai-tai-chinh-nam-2024-20241231-638716/>

5. Các nội dung công khai tài chính khác: Không

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, pháp luật

- Trong học kì I, nhà trường đã tăng cường công tác giáo dục ý thức thực hiện pháp luật, thực hiện nội quy nhà trường dưới nhiều hình thức như: Thực hiện chủ đề trong tiết sinh hoạt tập thể, trong tiết dạy môn hoạt động trải nghiệm và sinh hoạt chủ nhiệm. Tổ chức mời công an địa phương tuyên truyền các chuyên đề giáo dục pháp luật về “An toàn giao thông”, “Phòng chống Ma túy – HIV”, “Tác hại của thuốc lá điện tử”; “Phòng chống trộm cắp và tệ nạn xã hội”; Tổ chức tuyên truyền cho học sinh kiến thức PCCC và diễn tập phương án phòng chống cháy nổ và cứu nạn cứu hộ; tổ chức chuyên đề Giáo dục ý thức bảo vệ môi trường, chuyên đề Xây dựng trường học hạnh phúc, Tổ chức ngày pháp luật Việt Nam 9-11 ...vv.

- Tiếp tục triển khai kế hoạch thực hiện xây dựng “Trường học hạnh phúc” cho nhà trường và từng lớp trên cơ sở bộ tiêu chí trường học hạnh phúc do nhà trường ban hành cho các thành phần Lãnh đạo nhà trường, Giáo viên, Học sinh và Phụ huynh học sinh. Trong học kỳ 2 sẽ tổ chức khảo sát, đánh giá mức độ đạt được để có cơ sở triển khai thực hiện trong năm nhưng học tiếp theo. Triển khai thực hiện kế hoạch vinh danh học sinh để lan tỏa những hình ảnh học sinh tiêu biểu, tích cực trong các hoạt động học

tập, phong trào hoặc những tấm gương sáng để góp phần làm cho trường học ngày hạnh phúc hơn.

- Tổ chức khai thác có hiệu quả không gian văn hóa Hồ Chí Minh tại trường; các bộ môn khoa học xã hội tổ chức cho học sinh nghiên cứu, học tập các chuyên đề tìm hiểu về Bác tại Không gian văn hoá Hồ Chí Minh trường Ngô Thời Nhiệm phù hợp với từng môn học.

- Tổ chức có hiệu quả mô hình câu lạc bộ phát thanh học đường xây dựng chuyên mục " Kể chuyện về Bác" nhằm giới thiệu rộng rãi đến Đoàn viên, học sinh thâm nhuần tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh từ đó tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, hình thành ý thức tự giác của Đoàn viên trong học tập và trong cuộc sống.

2. Hoạt động chuyên môn

- Nhà trường và tổ bộ môn đã xây dựng kế hoạch giáo dục năm học của đơn vị và của tổ bộ môn chi tiết, cụ thể. Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch giảng dạy, kiểm tra đánh giá giữa kỳ và cuối học kỳ nghiêm túc. Thực hiện chấm bài tập trung bằng máy đối với môn trắc nghiệm và thực hiện cắt phách đối với môn tự luận nên kết quả khách quan, phản ánh đúng trình độ học sinh.

- Triển khai đồng bộ công tác chuyển đổi số thông qua nội dung thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, dạy học thông qua hệ thống học tập LMS Vnedu để phát huy khả năng tự học, đọc, nghiên cứu bài học theo hướng dẫn của giáo viên. Tăng cường đổi mới phương pháp và hình thức dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh, bước đầu lồng ghép kiến thức cơ bản về AI vào các bài học, chủ đề dạy học của các môn học.

- Tăng cường phối hợp giữa nhà trường và gia đình thông qua phần mềm vnedu để trao đổi thông tin điểm số, báo bài, điểm danh, thực hiện sổ điểm điện tử và tin nhắn điện tử.

- Nhà trường triển khai chương trình GDPT 2018 một cách chủ động, linh hoạt phù hợp với điều kiện thực tế của trường. Khối lớp 11 và 12, học sinh được chọn môn thi tốt nghiệp THPT phù hợp với định hướng nghề nghiệp và năng lực.

- Tổ chức chương trình Tiếng Anh luyện nghe nói với GV người nước ngoài từ lớp 1 đến lớp 11; Tổ chức lớp luyện thi lấy chứng chỉ IELTS theo nguyện vọng của học sinh.

- Tổ chức bồi dưỡng học sinh thi học sinh giỏi các cấp và phụ đạo cho học sinh TB -Yếu các khối 6 - 11 theo nguyện vọng của học sinh và CMHS để giúp học sinh tiến bộ.

- Nhà trường rất chú trọng các hoạt động trải nghiệm, nghiên cứu khoa học của học sinh, đã thực hiện 12 đề tài ở các bộ môn và chọn ra 06 đề tài tham dự cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp thành phố.

- Nhà trường đã phối hợp với tạp chí giáo dục TP.HCM, trung tâm hướng nghiệp TP.HCM tổ chức 02 buổi tư vấn hướng nghiệp cho học sinh THPT nhằm giúp các em định hướng được việc chọn môn học, chọn ngành nghề phù hợp trong tương lai.

- Các cơ sở đã tổ chức chuyên đề hướng nghiệp, định hướng nghề nghiệp cho học sinh THPT trong tháng 11 và 12 để giúp các em có định hướng chọn nghề chuẩn bị cho tương lai.

- Các cơ sở tổ chức đa dạng các câu lạc bộ trong và ngoài giờ chính khóa nhằm đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu nhằm mục tiêu biết chơi thành thạo một môn thể thao như: Bơi lội, võ thuật, bóng đá, bóng rổ, cầu lông, bóng chuyền ...vv. Ngoài ra nhà trường còn tổ chức các câu lạc bộ năng khiếu ngoài giờ như: Âm nhạc, Mỹ thuật, Stem, cờ vua, Trí tuệ nhân tạo, chụp ảnh... để học sinh có cơ hội học tập và phát huy năng khiếu của bản thân.

- Tổ chức cho học sinh tiểu học tham gia các sân chơi IOE, Vioedu, Trạng Nguyên Tiếng Việt cấp trường lựa chọn học sinh tham gia cấp Quận, TP. Trong năm học này nhà

trường còn khuyến khích và hướng dẫn HS tham gia các kì thi Toán quốc tế Timo, HKIMO, BBB giúp các em tiếp cận với các chương trình toán học quốc

3. Xây dựng trường học hạnh phúc – lớp học hạnh phúc – phòng nội trú hạnh phúc:

Nhà trường luôn quan tâm, nhắc nhở các thành viên trong nhà trường (học sinh, giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý, phụ huynh chung tay xây dựng trường học hạnh phúc – lớp học hạnh phúc – phòng nội trú hạnh phúc. Điều này đã khích lệ, động viên các thành viên trong nhà trường đoàn kết, thấu hiểu lẫn nhau để cùng thực hiện tốt các tiêu chí mà nhà trường đã đặt ra.

4. Hoạt động ngoại khóa, phong trào

- Đối với khối Tiểu học nhà trường đã tổ chức cho 02 đoàn gần 1.000 học sinh tiểu học tham gia chương trình trải nghiệm 01 ngày ngoài nhà trường an toàn và phong phú về nội dung. Khối THPT sẽ tổ chức trải nghiệm ngoại khóa ngoài nhà trường tại Đà Lạt vào tháng 2/2025 theo kế hoạch đã thông báo.

- Trong học kỳ 1, nhà trường đã tổ chức cho học sinh tham gia các phong trào thi đua về chuyên môn và Văn- Thể - Mỹ chào mừng ngày Nhà giáo VN 20-11 do Trường và Ngành tổ chức và đã đạt nhiều thành tích, tạo sân chơi lành mạnh và bổ ích cho học sinh.

5. Hoạt động đoàn, đội

- Đoàn trường tổ chức lớp cảm tình Đoàn năm học 2024 – 2025; có 677 Đoàn viên được tham gia lễ kết nạp Đoàn ấn tượng tại di tích lịch sử Đền thờ niệm Rạch Chiếc.

- Có 08 học sinh đạt danh hiệu học sinh 03 tốt cấp Tp Thủ Đức, 02 cấp Tp Hồ Chí Minh và đang chờ kết quả cấp TW.

- Giới thiệu 02 học sinh đạt danh hiệu “ Học sinh tiêu biểu làm theo lời Bác” cấp Tp Hồ Chí Minh tuyên dương trong hội trại 9/1

5. Hoạt động xã hội

- Tổ chức vận động quyên góp ủng hộ đồng bào miền Bắc bị ảnh hưởng do bão số 3 gây ra với số tiền 1,255 triệu đồng. Năm học 2024-2025 nhà trường đã tiếp nhận thêm 04 học sinh thuộc quỹ học bổng Vừ A Dính.

6. Chăm sóc sức khỏe

- Nhà trường đã tổ chức khám sức khỏe cho 100% học sinh các khối cấp; tổ chức cho học sinh tiểu học khám nha, uống thuốc tẩy giun, tiêm phòng cúm, tiêm phòng sởi cho học sinh tiểu học.

- Tỷ lệ học sinh toàn trường tham gia bảo hiểm y tế học sinh đạt tỷ lệ 99,12%. Các trường hợp học sinh chưa tham gia bảo hiểm y tế đầu năm, quý phụ huynh sắp xếp để học sinh được tham gia bảo hiểm y tế theo quy định. Phụ huynh đăng ký với GVCN để bổ sung việc mua bảo hiểm cho học sinh.

7. Thành tích đạt được trong học kỳ 1

7.1 Thành tích chuyên môn:

- Tổ chức cho học sinh tham gia cuộc thi RoboG toàn quốc 2024. Kết quả đạt Giải Nhất và giải Ba; tiếp tục tham dự thi vòng CK tại Trung Quốc vào tháng 2/2025.

- 01 giáo viên được trao danh hiệu "Công dân tiêu biểu của Tp.Thủ Đức" và 01 giáo viên được công nhận "Nhà giáo trẻ tiêu biểu của Tp.HCM" năm 2024.

- Tổ chức cho giáo viên tham gia cuộc thi Thiết kế chủ đề dạy học tích hợp STEM cấp thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả đạt 01 giải Nhất môn Sinh và 2 giải Ba môn Địa và Vật lý.

- Tổ chức cho học sinh tham gia cuộc thi nghiêm cứu KHKT cấp thành phố, kết quả đạt 02 giải Ba cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp thành phố Hồ Chí Minh (môn Vật lý và Lịch sử)

- Tổ chức cho học sinh khối THCS tham gia thi học sinh giỏi cấp thành phố Thủ Đức. Kết quả đạt giải 1 học sinh được công nhận học sinh giỏi lớp 9 cấp quận và thành phố Thủ Đức, có 2 em lọt vào đội tuyển thi học sinh giỏi cấp thành phố Hồ Chí Minh vào tháng 2/2025.

7.2 Thành tích hoạt động phong trào

- Tổ chức cho học sinh khối THCS và THPT tham gia cuộc thi Smart city 2024 cấp TP.HCM. Kết quả đạt 01 giải Ba và 4 giải KK.

- Tổ chức cho học sinh và giáo viên tham gia cuộc thi An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai cấp TP.HCM. Kết quả 01 giáo viên đạt Giải Ba.

- Đạt 1 HCV, 1 HCB, 1 HCD trong hội thao Công đoàn TP.HCM.

- Giải Ba Hội thi thiết kế Lòng đèn của TP. Thủ Đức.

Trên đây là báo cáo về công khai hoạt động giáo dục của trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Ngô Thời Nhiệm năm 2024./.

HIỆU TRƯỞNG



Trương Nguyên Sự